

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 874/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2025

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Chính

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm-Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 443/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Kim Đ, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

CCCD số: 084189007433

Thường trú: 63/8A1, Khu phố 84, phường T, Tp.HCM

Địa chỉ :89/3D (tổ 106, ấp G, xã N, huyện H cũ), Ấp 65, xã X, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

CCCD số: 079083040271

Địa chỉ: 89/3D (tổ 106, ấp G, xã N, huyện H cũ), Ấp 65, xã X, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày nguyên đơn bà Tô Thị Kim Đ trình bày:

Bà Tô Thị Kim Đ và ông Ngô Quang T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2008 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh V. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Vào năm 2023, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; đặc biệt về vấn đề tài chính, bà đã góp ý nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Ngô Quang T.

- Về con chung: có 02 con chung tên: Ngô Nhật B, sinh ngày 03/10/2009 và Ngô Bảo Ngọc Phương R, sinh ngày 02/4/2013. Do hiện trẻ Nhật B đang sống với ông T, trẻ Phương R đang sống với bà; để không ảnh hưởng đến sinh hoạt và học tập của các con sau khi ly hôn, bà yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nhật B, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phương R. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Ngô Quang T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Kim Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú 89/3D (tổ 106, ấp G, xã N, huyện H cũ), Ấp 65, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Kim Đ và ông Ngô Quang T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Trích lục kết hôn số 55/TLKH-BS ngày 11/3/2024 do UBND xã M, huyện L, tỉnh Trà Vinh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Đ trình bày cuộc sống gia đình ban đầu hạnh phúc nhưng về sau, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà đã nhiều lần nói chuyện với chồng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bà Đ và ông T vẫn không có tiếng nói chung, không thể khắc phục được những mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia

phiên tòa, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với bà Đ. Hiện nay, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà Đ và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Đ cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Đ tự khai có 02 con chung tên: Ngô Nhật B, sinh ngày 03/10/2009 và Ngô Bảo Ngọc Phương R, sinh ngày 02/4/2013. Bà Đ yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nhật B, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phương R; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: yêu cầu của bà Đ phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà Đ và ông T cho đến khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Tô Thị Kim Đ được ly hôn với ông Ngô Quang T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên: Ngô Nhật B, sinh ngày 03/10/2009 và Ngô Bảo Ngọc Phương R, sinh ngày 02/4/2013. Giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Nhật B, giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Phương R; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà Đ và ông T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị Kim Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà Tô Thị Kim Đ đã nộp theo biên lai số 0083328 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- Phòng THADS KV8-TP.HCM;
- UBND xã I, tỉnh Vĩnh Long (Theo Trích lục kết hôn số 55/TLKH-BS ngày 11/3/2024 do UBND xã M, huyện L, tỉnh Trà Vinh cấp);
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

